

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH



Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.



**Cách mở nắp:**  
Xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ.



**Cách đóng nắp:**  
Áp nắp xuống cho đến khi nghe tiếng "tách".

Hãy cầm bên hông, giữ chai thẳng đứng khi mở nắp. Không ấn mạnh vào giữa chai để tránh sản phẩm tràn ra ngoài.

### THÀNH PHẦN, HÀM LƯỢNG

Hoạt chất: Mỗi lọ 13 ml chứa

• Potassium L-Aspartate .....	130,00 mg
• Zinc Sulfate .....	13,00 mg
• Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6) .....	6,50 mg
• Tetrahydrozoline Hydrochloride .....	5,20 mg
• Chlorpheniramine Maleate .....	1,30 mg
• Cyanocobalamin (Vitamin B12) .....	0,78 mg

Tã được:

Boric Acid, Sodium Borate, l-Menthol, d-Camphor, Bergamot Oil, Geraniol, Hydroxypropyl Methylcellulose, Chlorobutanol, Benzalkonium Chloride Concentrated Solution 50, Polysorbate 80, nước tinh khiết.

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Dung dịch nhỏ mắt, dung dịch trong, màu hồng.

### QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 1 lọ 13 ml.

### THUỐC DÙNG CHO BỆNH GÌ

Đỏ mắt, ngứa mắt, mỏi mắt, phòng ngừa các bệnh về mắt (khi bơi lội hoặc do bụi, mủ hôi rơi vào mắt), cảm giác khó chịu khi đeo kính tiếp xúc cứng, viêm mắt do tia tử ngoại hoặc các tia sáng khác (như mù tuyết), viêm mí mắt, mắt mờ do tiết dịch.

### NÊN DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO VÀ LIỀU LƯỢNG

Nhỏ vào mắt 2-3 giọt, ngày 5-6 lần.

### KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY

Không dùng cho người bị tăng nhãn áp và mẫn cảm với các thành phần của thuốc.

### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Thuốc có thể gây dị ứng như ngứa mắt, sưng huyết trong một số trường hợp. Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

### NÊN TRÁNH DÙNG NHỮNG THUỐC HOẶC THỰC PHẨM GÌ KHI ĐANG SỬ DỤNG THUỐC NÀY

Trừ trường hợp có chỉ định của bác sĩ, tránh dùng cùng lúc với các loại thuốc nhỏ mắt khác. Tương tác với từng thành phần của thuốc: Chưa có tài liệu.

### CẦN LÀM GÌ KHI MỘT LẦN QUÊN KHÔNG DÙNG THUỐC

Dùng liều đó ngay khi nhớ ra. Tuy nhiên, nếu gần với liều kế tiếp, hãy bỏ qua liều đã quên và tiếp tục lịch trình dùng thuốc theo chỉ dẫn. Không dùng liều gấp đôi để bù cho liều bỏ lỡ.

### BẢO QUẢN THUỐC

Bảo quản nơi khô mát (dưới 30 °C), tránh ánh nắng trực tiếp. Vitamin B12 gặp ánh sáng sẽ bị phân giải và đổi màu.

### NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU

Sử dụng quá liều có thể gây sưng huyết (đỏ mắt).

### CẦN PHẢI LÀM GÌ KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU KHUYẾN CÁO

Khi xảy ra triệu chứng do dùng thuốc quá liều, có thể rửa mắt với nước sạch để loại bỏ thuốc.

### NHỮNG ĐIỀU THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC NÀY

#### 1. Lưu ý chung:

- Chỉ dùng thuốc này để nhỏ mắt.
- Thuốc có chứa Benzalkonium Chloride có thể làm biến màu kính áp tròng mềm. Tránh tiếp xúc với kính áp tròng mềm: Nên tháo kính áp tròng trước khi nhỏ thuốc và chờ ít nhất 15 phút để đeo kính trở lại.
- Benzalkonium Chloride có thể gây kích ứng mắt.
- Không để mí mắt chạm vào miệng lọ để tránh nhiễm trùng hoặc làm vẩn đục dung dịch do các chất tiết hoặc mầm vi sinh vật.
- Vặn chặt nắp lọ sau khi dùng.
- Để tránh nhầm lẫn và giảm chất lượng, không dùng thuốc vào chai lọ khác.
- Không dùng chung lọ thuốc với người khác để tránh lây nhiễm.
- Một vài hoạt chất có thể kết tinh ở miệng lọ do điều kiện bảo quản thuốc. Hãy lau miệng lọ bằng gạc sạch trước khi dùng.

#### 2. Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Chưa có ghi nhận về bất kỳ trường hợp ảnh hưởng nào tới phụ nữ có thai và cho con bú cũng như thai nhi.

#### 3. Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác):

Chưa ghi nhận được báo cáo phản ứng bất lợi hoặc chưa có nghiên cứu nào về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng vận hành máy móc, lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác.

### CÁC TRƯỜNG HỢP CẦN THAM VẤN BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ

- Đau mắt nặng.
  - Đang theo một quá trình điều trị.
  - Có tiền căn dị ứng với thuốc nhỏ mắt.
  - Tăng nhãn áp.
  - Định nhãn bị đỏ mắt do nhiễm khuẩn nặng hoặc do dị vật bắn vào mắt.
  - Tình trạng mờ mắt không được cải thiện.
  - Các triệu chứng không thuyên giảm sau 5 – 6 ngày sử dụng thuốc.
- Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

### HẠN DÙNG CỦA THUỐC

- 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Sau khi mở nắp, nên sử dụng càng nhanh càng tốt vì thuốc có thể bị lây nhiễm trong khi sử dụng.
- Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

### NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

- Ngày 27 tháng 09 năm 2017.

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

### DƯỢC LỰC HỌC, DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Dược lực học:**
  - Tetrahydrozoline Hydrochloride** là chất kích thích thần kinh giao cảm, khi tiếp xúc với niêm mạc sẽ gây co mạch, làm giảm sung huyết tại chỗ và có tác dụng kéo dài.
  - Zinc Sulfate** có tác dụng cải thiện tình trạng môi mắt, bảo vệ võng mạc khỏi các tác nhân oxy hóa, thúc đẩy chữa lành vết thương ở giác mạc, tác động lên hoạt động của võng mạc thông qua vai trò của Kẽm trong sự chuyển hóa vitamin A.
  - Chlorpheniramine Maleate** có tác dụng kháng viêm cục bộ.
  - Cyanocobalamin (Vitamin B12)** có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sợi thần kinh. Nhiều nghiên cứu cho thấy việc thiếu vitamin B12 có thể dẫn đến thoái hóa thần kinh thị giác, bệnh thần kinh thị giác, tắc động mạch trung tâm võng mạc và các bệnh khác về mắt liên quan đến thiếu vitamin B12.
  - Pyridoxine Hydrochloride (Vitamin B6)** có tác dụng gia tăng sự trao đổi chất của tế bào mắt, đóng vai trò như những coenzyme trong quá trình chuyển hóa protein, glucid và lipid.
  - Potassium L-Aspartate** gia tăng quá trình hấp thụ giác mạc.
- Dược động học:**

Thuốc nhỏ mắt có tác động tại chỗ.

### CHỈ ĐỊNH

Đỏ mắt, ngứa mắt, mỏi mắt, phòng ngừa các bệnh về mắt (khi bơi lội hoặc do bụi, mồ hôi rơi vào mắt), cảm giác khó chịu khi đeo kính tiếp xúc cứng, viêm mắt do tia tử ngoại hoặc các tia sáng khác (như mù tuyết), viêm mí mắt, mắt mờ do tiết dịch.

### LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG

Nhỏ vào mắt 2-3 giọt, ngày 5-6 lần.

### CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Không dùng cho người bị tăng nhãn áp và mẫn cảm với các thành phần của thuốc.

### THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Thuốc có chứa Benzalkonium Chloride có thể làm biến màu kính áp tròng mềm. Tránh tiếp xúc với kính áp tròng mềm. Nên tháo kính áp tròng trước khi nhỏ thuốc và chờ ít nhất 15 phút để đeo kính trở lại.
- Benzalkonium Chloride có thể gây kích ứng mắt.
- Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:**

Chưa có ghi nhận về bất kỳ trường hợp ảnh hưởng nào tới phụ nữ có thai và cho con bú cũng như thai nhi.
- Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc (người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác):**

Chưa ghi nhận được báo cáo phản ứng bất lợi hoặc chưa có nghiên cứu nào về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng vận hành máy móc, lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác.

### TƯƠNG TÁC CỦA THUỐC VỚI CÁC THUỐC KHÁC VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TÁC KHÁC

Thuốc nhỏ mắt có tác động tại chỗ, chưa có tài liệu báo cáo về tương tác thuốc.

### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Thuốc có thể gây dị ứng như ngứa mắt, sung huyết trong một số trường hợp.

### QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Sử dụng quá liều có thể gây sung huyết. Nếu xảy ra, có thể rửa mắt với nước sạch để loại bỏ thuốc.

### CÁC DẤU HIỆU CẦN LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO

- Chỉ dùng thuốc này để nhỏ mắt.
- Không sử dụng thuốc nhỏ mắt khi đang mang kính tiếp xúc mềm.
- Không để mí mắt chạm vào miệng lọ để tránh nhiễm trùng hoặc làm vẩn đục dung dịch do các chất tiết hoặc mầm vi sinh vật.
- Vặn chặt nắp lọ sau khi dùng.
- Để tránh nhầm lẫn và giảm chất lượng, không đựng thuốc vào chai lọ khác.
- Không đựng chung lọ thuốc với người khác để tránh lây nhiễm.
- Một vài loại chất có thể kết tủa ở miệng lọ do điều kiện bảo quản thuốc. Hãy lau miệng lọ bằng gạc sạch trước khi dùng.

### Bộ phận hỗ trợ khách hàng

**(028) 3822 9322**

Thời gian làm việc: 8:00 - 17:00  
(trừ ngày lễ, thứ bảy, chủ nhật)

TCCL: TCSS



www.rohto.com.vn

Sản xuất bởi:  
**CTY TNHH ROHTO-MENTHOLATUM (VIỆT NAM)**  
Số 16 VSIP, đường số 5, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore,  
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, Bình Dương, Việt Nam.  
Trụ sở chính:  
**ROHTO PHARMACEUTICAL CO., LTD**  
OSAKA, JAPAN